

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2018

V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Minh Phương và ông Lê Việt Dũng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quảng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: ông Lê Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn châu, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 18 /2018/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979.

Trú tại: xóm 3, xã DY, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Th1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: xóm 3, xã DY, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Phạm Th1 kết hôn với nhau ngày 24 tháng 10 năm 1997. Hôn nhân có tình cảm, trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Đăng ký kết hôn tại UBND xã DY, huyện D. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường nhưng được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống nên hay cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh Th1 thường xuyên đánh đập chị nên cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, không hòa thuận, mâu thuẫn chị đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng thêm. Đến tháng 01 năm 2017 do không thể chung sống được với nhau, chị đã ra ngoài ở và vợ chồng sống ly thân, không còn đi lại quan tâm chăm sóc nhau. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Th1.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung Phạm Thanh L, sinh ngày 06/12/2000; Phạm Thanh L1, sinh ngày 14/8/2006 và Phạm Thị Bích Ng, sinh ngày

05/5/2013. Hiện nay cháu L đã lớn, trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Thị Bích Ng và giao cháu Phạm Thanh L1 cho anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Th1 tại bản khai ngày 27 tháng 6 năm 2018 và quá trình hòa giải tại tòa án anh trình bày: Anh thống nhất với chị Th về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn, kinh tế gia đình, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn. Mâu thuẫn anh đã trao đổi bàn bạc với vợ nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp với nhau. Mâu thuẫn trầm trọng, chị Th đã ra ở riêng đến nay vợ chồng đã ly thân không còn đi lại, quan tâm nhau. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện D anh không nhất trí ly hôn mà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, chăm sóc nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung Phạm Thanh L, sinh ngày 06/12/2000; Phạm Thanh L1, sinh ngày 14/8/2006 và Phạm Thị Bích Ng, sinh ngày 05/5/2013. Hiện nay cháu L đã lớn, trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Thị Bích Ng và giao cháu Phạm Thanh L1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau anh cũng nhất trí.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử cũng đã tuân theo đúng quy định của pháp luật trong quá trình xét xử, không có vi phạm về thủ tục.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th, xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Phạm Th1. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Bích Ng cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và giao cháu Phạm Thanh L1 cho anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến trình bày của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Th1 quá trình làm việc tại tòa án anh không chấp hành theo giấy triệu tập nên tòa án không tiến hành hòa giải được. Đến ngày 27/6/2018 anh Th1 làm đến làm việc tại tòa án, tòa án đã tiến hành hòa giải, lập biên bản về việc tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định tố tụng. Tại phiên tòa thứ nhất vào ngày 13 tháng 6 năm 2018 anh Phạm Th1 đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Th1 đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Th1.

[3] Xét cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Th1 là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DY, huyện D. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên xúc phạm, cãi vã lẫn nhau. Bên cạnh đó, anh Th có hành vi đánh đập vợ con nên mâu thuẫn càng trầm trọng, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1, anh Th1 vắng mặt. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh Th1 đã thật sự trầm trọng. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là có thật và vợ chồng đã ly thân, cắt đứt mọi tình cảm không còn đi lại, quan tâm đến nhau. Đời sống chung chấm dứt, mục đích hôn nhân không còn. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Phạm Th1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có ba con chung Phạm Thanh L, sinh ngày 06/12/2000; Phạm Thanh L1, sinh ngày 14/8/2006 và Phạm Thị Bích Ng, sinh ngày 05/5/2013. Hiện nay cháu L đã lớn, trưởng thành hội đồng không xem xét. Nay ly hôn chị Th, anh Th1 thống nhất chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Thị Bích Ng và giao cháu Phạm Thanh L1 cho anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Xét việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của người cha, người mẹ. Anh Th1, chị Th đều có công việc ổn định, có thu nhập. Cháu Ng hiện ở cùng chị Th. Cháu L1 hiện ở cùng anh Th1, cháu có nguyện vọng được ở với anh Th1, bản thân các cháu hiện được chăm sóc giáo dục, phát triển bình thường nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Th1, chị Th. Giao con chung vợ chồng Phạm Thị Bích Ng cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp. Giao cháu Phạm Thanh L1 cho anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Riêng cháu L hiện đã lớn, trưởng thành lao động bình thường nên hội đồng không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và các quyền nghĩa vụ liên quan đến tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Phạm Th1.
- Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Bích Ng, sinh ngày 05/5/2013 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Giao con chung Phạm Thanh L1, sinh ngày 14/8/2006 cho anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh Th1, chị Th có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.
- Về quan hệ tài sản chung và các quyền nghĩa vụ liên quan đến tài sản: Không xem xét giải quyết.
- Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào khoản tiền dự phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D theo biên lai số 0004483 ngày 23/3/2018. Chị Th đã nộp đủ án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th. Chị Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với bị đơn anh Phạm Th1 vắng mặt có quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án;
- UBND xã DY;
- Các đương sự;
- Lưu sồ sơ;
- Lưu VP/TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quang Trung